

TUẦN 1: CHỮ ĐỀ 1: ÔN TẬP VÀ BỔ SUNG
Bài 1: ÔN TẬP SỐ TỰ NHIÊN VÀ CÁC PHÉP TÍNH (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

1. Năng lực đặc thù:

- Củng cố các kỹ năng liên quan đến số tự nhiên và dãy số tự nhiên: Đọc, viết, so sánh, thứ tự, cấu tạo số; làm tròn số; ...
- Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên; vận dụng được tính chất của phép tính để tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện; tìm được các thành phần chưa biết trong phép tính.
- Giải quyết được vấn đề gắn với việc giải các bài toán có tới ba bước tính, vấn đề liên quan đến các số liệu từ biểu đồ.

2. Năng lực chung.

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

3. Phẩm chất.

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.
- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.
- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.
- Bộ thẻ số cho bài Luyện tập 7; hình ảnh mục Vui học, Đất nước em, Khám phá (nếu cần).
- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.	
- Cách tiến hành:	
- GV tổ chức trò chơi “Đố bạn?”.	- HS tham gia trò chơi

<p>Nêu cấu tạo số hoặc đọc số. (Hoặc ngược lại, GV viết số lên bảng lớp.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới 	<ul style="list-style-type: none"> + Viết số vào bảng con. <p>(HS đọc số, nói cấu tạo số.)</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS lắng nghe.
<p>2. Luyện tập:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục tiêu: <p>+ củng cố các kĩ năng liên quan đến số tự nhiên và dãy số tự nhiên: Đọc, viết, so sánh, thứ tự, cấu tạo số; làm tròn số; ...</p> <p>+ Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên; vận dụng được tính chất của phép tính để tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện; tìm được các thành phần chưa biết trong phép tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách tiến hành: 	
<p>Bài 1.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời HS làm việc nhóm theo PP mảnh ghép - GV mời HS trình bày kết quả, cả lớp theo dõi, nhận xét. <p>- GV nhận xét, tuyên dương.</p> <p>Bài 2.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp chơi tiếp sức 	<ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài 1. - Thảo luận nhóm xác định các việc cần làm: Đọc số, viết số, viết số thành tổng theo các hàng. - HS trình bày kết quả, cả lớp theo dõi, nhận xét. <p>a) 57 308: năm mươi bảy nghìn ba trăm linh tám. 460 092: bốn trăm sáu mươi nghìn không trăm chín mươi hai. 185 729 600: một trăm tám mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm.</p> <p>b) Sáu mươi tám nghìn không trăm linh chín: 68 009. Bảy trăm hai mươi triệu năm trăm nghìn ba trăm mười: 720 500 310.</p> <p>c) $14\ 030 = 10\ 000 + 4\ 000 + 30$</p> <ul style="list-style-type: none"> - 1 HS đọc yêu cầu bài. - Cả lớp chơi trò chơi chữa bài

- GV hỏi: tại sao lại điền dấu như vậy.

- GV giúp HS hệ thống các cách so sánh số:

- Số có ít chữ số hơn?
- Hai số có số chữ số bằng nhau: So sánh thế nào?

- GV nhận xét chung, tuyên dương.

Bài 3.

- GV yêu cầu HS đọc từng câu.
- GV yêu cầu Cả lớp suy nghĩ, chọn thẻ Đ/S (hoặc viết Đ/S vào bảng con) rồi giơ lên theo hiệu lệnh của GV (khuyến khích HS giải thích).

- GV nhận xét tuyên dương.

Bài 4:

GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.

a) $987 < 1\ 082$ b) $541\ 582 > 541\ 285$

c) $200 + 500 < 200\ 500$

d) $700\ 000 + 4\ 000 = 704\ 000$

HS nói tại sao lại điền dấu như vậy.

Ví dụ: $987 < 1\ 082$

Số 987 có ba chữ số; số 1 082 có bốn chữ số

→ 987 bé hơn 1 082 → Điền dấu <.

•Số có ít chữ số hơn thì bé hơn.

•Hai số có số chữ số bằng nhau: So sánh các cặp chữ số cùng hàng theo thứ tự từ trái sang phải. Cặp chữ số đầu tiên khác nhau. Kết luận

- Lắng nghe rút kinh nghiệm.

–HS đọc từng câu.

–Cả lớp suy nghĩ, chọn thẻ Đ/S (hoặc viết Đ/S vào bảng con) rồi giơ lên theo hiệu lệnh của GV và HS giải thích.

Ví dụ:

a) Đ;

b) S (vì 0 là số tự nhiên bé nhất và không có số tự nhiên lớn nhất);

c) S (vì chữ số 6 ở hàng chục nghìn có giá trị là 60 000, ...);

d) Đ 🐼 HS nhắc lại quy tắc làm tròn.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

- GV mời HS xác định các việc cần làm:
- HS làm cá nhân rồi chia sẻ với bạn

- 1 HS đọc yêu cầu bài.
- Đặt tính rồi tính.

$$\begin{array}{r} \text{a)} \quad 157\,496 \\ + \quad 333\,333 \\ \hline 490\,829 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{b)} \quad 439\,561 \\ - \quad 68\,708 \\ \hline 370\,853 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} \text{c)} \quad 23\,082 \\ \times \quad 34 \\ \hline 92\,328 \\ 692\,46 \\ \hline 784\,788 \end{array}$$

$$\begin{array}{r|l} \text{d)} \quad 376\,583 & 15 \\ 76 & 25\,105 \\ 15 & \\ \hline & 083 \\ & 8 \end{array}$$

Bài 5.

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV yêu cầu HS thảo luận (nhóm đôi) tìm hiểu bài, tìm cách làm.

- Tính giá trị của biểu thức chỉ có phép nhân và phép chia.
- Tính giá trị của biểu thức có dấu ngoặc đơn, có phép cộng, phép trừ và phép nhân.

GV cho HS trình bày theo nhóm (mỗi nhóm/ biểu thức), khuyến khích HS nói cách làm.

- 1 HS đọc yêu cầu
- HS làm cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm.

$$\text{a)} \quad 9\,520 : 70 \times 35 = 136 \times 35 = 4\,760$$

$$\text{b)} \quad 15\,702 - (506 + 208 \times 63) = 15\,702 - (506 + 13\,104) = 15\,702 - 13\,610 = 2\,092$$

$$2 - 13\,610 = 2\,092$$

- HS nói cách làm. Ví dụ:

- Biểu thức $9\,520 : 70 \times 35$ chỉ có phép chia và phép nhân, thực hiện theo thứ tự từ trái sang phải.

- Tính $9\,520 : 70$ trước 🧐 Sau đó lấy kết quả nhân với 35.

3. Vận dụng trải nghiệm .

- Mục tiêu:
 - + củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.
 - + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.
 - + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.
- Cách tiến hành:

- Vui học
- Nhận biết yêu cầu của bài

- Nhận biết yêu cầu của bài: Giúp bạn Gấu tìm đường về nhà. 🐻

– Nhóm nào làm đúng và nhanh nhất thì thắng.

- Nhận xét, tuyên dương

Đất nước em

-GV mời HS xác định yêu cầu BT

– GV có thể nói thêm về những mặt hàng khác của tỉnh Hậu Giang.

Chẳng hạn: Cam, quýt, xoài, sầu riêng, ... cũng được trồng nhiều ở tỉnh Hậu Giang.

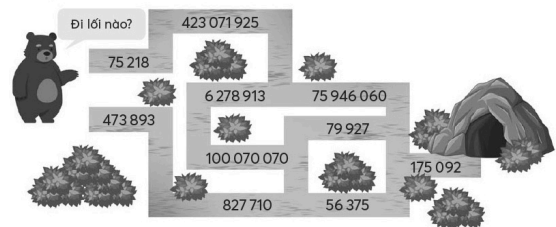
- GV nhận xét, tuyên dương

Xác định điểm xuất phát và điểm kết thúc.

Cách đi: Theo các số có chữ số ở hàng chục nghìn giống nhau.

Ví dụ: 75 218 → 423 071 925

Nhóm nào làm đúng và nhanh nhất thì thắng.



– HS xác định yêu cầu, thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

a) Mãng cầu, bưởi, chanh, dứa, mít.

b) $22 : 11 = 2$

Sản lượng thu hoạch chanh gấp 2 lần bưởi.

c) $24 + 11 + 22 + 6 = 63$

Không kể mít thì tổng sản lượng các loại trái cây còn lại là 63 nghìn tấn.

$61 < 63$

Sản lượng mít ít hơn tổng sản lượng trái cây còn lại.

– HS nói cách làm, mỗi nhóm/câu (có thể kết hợp thao tác trên biểu đồ).

Ví dụ:

a) HS vừa nói vừa chỉ vào biểu đồ (xác định theo cột từ thấp đến cao):
mãng cầu, bưởi, chanh, dứa, mít.

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

--

(Tiết 2)

III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
<p>1. Khởi động:</p> <p>- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khẩn khởi trước giờ học. + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.</p> <p>Trò chơi “Đố bạn”: Ôn lại tính chất phép tính với các số tròn trăm, tròn nghìn.</p> <p>Ví dụ: $800 + 615 + 200 = ?$</p> <p>- GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới</p>	<p>- HS tham gia trò chơi</p> <p>+ Trả lời: Viết bảng con: 1 615 🗣️ Đọc lớn: tám trăm cộng hai trăm bằng một nghìn; một nghìn cộng sáu trăm mười lăm bằng một nghìn sáu trăm mười lăm.</p> <p>- HS lắng nghe.</p>
<p>2. Luyện tập:</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ củng cố các kĩ năng liên quan đến số tự nhiên và dãy số tự nhiên: Đọc, viết, so sánh, thứ tự, cấu tạo số; làm tròn số; ...</p> <p>+ Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia các số tự nhiên; vận dụng được tính chất của phép tính để tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện; tìm được các thành phần chưa biết trong phép tính.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	

Bài 6.

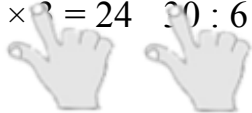
- GV gọi HS đọc yêu cầu BT6
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi xác định việc cần làm
- HS thực hiện cá nhân rồi chia sẻ với bạn.

- GV mời HS nêu cách làm

Bài 7.

- GV gọi HS đọc yêu cầu BT7
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi xác định việc cần làm
- GV hướng dẫn cách làm qua một ví dụ đơn giản, chẳng hạn:

Ví dụ: $8 \times 3 = 24$ $30 : 6 = 5$



-HS đọc yêu cầu BT6

- HS trar lời: Tính bằng cách thuận tiện.

$$\begin{aligned} \text{a)} \quad & 58\,000 + 200 + 2\,000 + 800 \\ &= (58\,000 + 2\,000) + (200 + 800) \\ &= 60\,000 + 1\,000 = 61\,000 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b)} \quad & 17 \times (730 + 270) = 17 \times 1\,000 \\ &= 17\,000 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{c)} \quad & 25 \times 9 \times 4 \times 7 = (25 \times 4) \times (9 \times 7) \\ &= 100 \times 63 = 6\,300 \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{d)} \quad & 831 \times 56 - 831 \times 46 = 831 \times (56 - 46) \\ &= 831 \times 10 = 8\,310 \end{aligned}$$

– HS trình bày cách làm (mỗi nhóm/câu). Ví dụ:

$$\text{a)} \quad 58\,000 + 200 + 2\,000 + 800$$

Vì tổng của 58 000 và 2 000 là số tròn chục nghìn; tổng của 200 và 800 là số tròn nghìn

👉 Dùng tính chất giao hoán và kết hợp để tính nhanh.

– HS (nhóm đôi) đọc các yêu cầu, nhận biết nhiệm vụ, thảo luận tìm cách làm.

$$24 : 8 = 3 \quad 5 \times 6 = 30$$

- GV tổ chức cho HS chơi tiếp sức, khuyến khích HS nói cách làm.

- GV giúp HS hệ thống các cách tìm thành phần chưa biết:

- Tìm số hạng
- Tìm số bị trừ
- Tìm thừa số
- Tìm số bị chia

Bài 8:

-GV mời HS đọc yêu cầu BT8

+ Bài toán hỏi gì?

+ Ta phải tìm hai số. Bài toán cho biết những gì liên quan tới hai số này?

+ Nhận dạng bài toán.

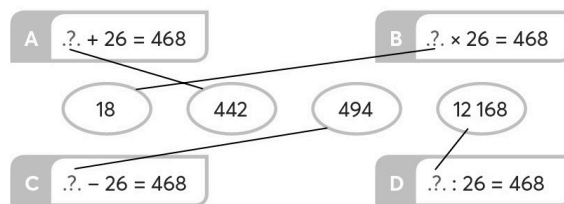
+ Nêu các bước làm của bài toán “tổng, hiệu”.

+ Thử lại để kiểm tra.

-GV mời HS nói các bước thực hiện

Bài 9:

-GV mời HS đọc yêu cầu BT9



-- HS nói cách làm.

Ví dụ:

$468 - 26 = 442$ Chọn 442 cho biểu thức A.

HS lắng nghe, trả lời

- Số hạng = Tổng – Số hạng kia.
- Số bị trừ = Hiệu + Số trừ.
- Thừa số = Tích : Thừa số kia.
- Số bị chia = Thương \times Số chia.

-HS đọc yêu cầu BT8

-HS xác định bài toán cho biết gì; bài toán hỏi gì.

-HS thực hiện cá nhân.

Bài giải

$$(35 - 11) : 2 = 12$$

Lớp 5C nhận về 12 hộp sữa ít đường.

$$35 - 12 = 23$$

Lớp 5C nhận về 23 hộp sữa có đường.

Đáp số: 12 hộp sữa ít đường;
23 hộp sữa có đường.

- HS nói các bước thực hiện.

+ Tìm số hộp sữa có đường và tìm số hộp sữa ít đường.

+ Cả hai loại: 35 hộp Tổng hai số phải tìm

<p>-GV cho HS thảo luận nhóm</p> <p>-GV mời HS nói các bước thực hiện</p> <p>Bài 10: -GV mời HS đọc yêu cầu BT10</p> <p>GV mời HS nói các bước thực hiện</p>	<p>-HS đọc yêu cầu.</p> <p>-HS thảo luận (nhóm đôi) xác định các việc cần làm.</p> <p>-HS làm cá nhân rồi chia sẻ với bạn.</p> <p>-HS viết số vào bảng con: 7 500 đồng</p> <p>👉 HS nói cách làm. Ví dụ: Muốn tìm được giá tiền 1 quyển vở, phải tìm số tiền mua 12 quyển vở trước. Muốn tìm số tiền mua 12 quyển vở</p> <p>👉 Lấy tổng số tiền Tú có trừ đi số tiền Tú dùng để mua hộp bút (30 000 đồng).</p> <p>-HS xác định yêu cầu, thực hiện cá nhân.</p> <p>-HS viết số cần điền vào bảng con.</p> <p>a) 36 323 người b) 1 780 393 người</p> <p>- HS có thể trình bày cách làm. Ví dụ: a) Tìm phần hơn 👉 Tính hiệu 👉 Xác định số lớn, số bé 👉 Số lớn – Số bé.</p>
<p>3. Vận dụng trải nghiệm .</p> <p>- Mục tiêu:</p> <p>+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.</p> <p>+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.</p> <p>- Cách tiến hành:</p>	
<p>- GV tổ chức cho HS tham gia Khám phá:</p>	<p>- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.</p> <p>a –HS đọc và chia sẻ những hiểu biết về sâu riêng, mã vùng.</p>

-GV mời HS nói cách làm

- Những mặt hàng xuất khẩu khác của tỉnh Hậu Giang. Đến ngày 12/9/2022, toàn tỉnh có 100 vùng trồng sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn được cấp mã số vùng trồng đạt tiêu chuẩn xuất khẩu sang thị trường các nước châu Âu, Trung Quốc, Hàn Quốc.

Trong đó, 91 vùng trồng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, ước sản lượng đạt 24 574 tấn/năm. 9 vùng trồng xuất khẩu sang các thị trường khó tính như châu Âu, Hàn Quốc, Mỹ, Úc, ... với sản lượng đạt trên 4 330 tấn mỗi năm. (<https://nhandan.vn/hau-giang-day-manh>

-
tieu-thu-nong-san-tren-khong-gian-man
g- post/714823.html)

- Nhận xét, tuyên dương.

- Nhận xét tiết học. Dặn dò bài về nhà.

-HS xác định yêu cầu, viết đáp án vào bảng con.

-HS giờ bảng theo hiệu lệnh của GV.
40 000 m²

-HS nói cách làm.

40 000 m², vì $1\ 000\ 000 : 25 = 40\ 000$

-HS lắng nghe

- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:

.....

.....

.....
